

Số: /BC-THCSMP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả tự đánh giá trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích năm học 2025 - 2026

Căn cứ Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Công văn số 3823/SGDĐT-HSSV ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc báo cáo công tác thực hiện xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố năm học 2025 – 2026;

Căn cứ Công văn số 3125/UBND-VX ngày 05 tháng 05 năm 2026 Về việc báo cáo công tác thực hiện xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố năm học 2025 – 2026;

Trường Trung học cơ sở Mỹ Phước báo cáo kết quả tự đánh giá trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích trong nhà trường năm học 2025-2026 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Khái quát đơn vị

Trường THCS Mỹ Phước tọa lạc tại khu phố An Phước, phường Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập theo Quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 05/7/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát. Nhà trường được xây dựng trên khuôn viên rộng 17.662,2 m² với cơ sở vật chất tương đối khang trang, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục trong giai đoạn đổi mới hiện nay. Quy mô nhà trường gồm khối nhà 01 trệt, 02 lầu với 15 phòng học kiên cố, đầy đủ các phòng chức năng, phòng bộ môn và các khu vực phục vụ công tác hành chính, quản lý, giáo dục toàn diện cho học sinh.

Trong năm học 2025-2026, quy mô nhà trường được duy trì ổn định, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác tổ chức dạy học và triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn trường học. Tổng số lớp: 15 lớp. Tổng số học sinh: 599 học sinh. Nhìn chung, sĩ số học sinh/lớp đảm bảo theo quy định.

Về đội ngũ:

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 31 (nữ: 22; đảng viên: 24; biên chế: 31)

- Trình độ chuyên môn: 04 trên đại học, 25 đại học, 01 CĐ và 01 TC (đạt chuẩn và trên chuẩn 100%). Trong đó tổng số nhân viên: 04, gồm kế toán, thư viện, văn thư, y tế và tổ bảo vệ, phục vụ 05 hợp đồng, cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe học sinh, quản lý và đảm bảo các điều kiện an toàn trong nhà trường.

- Quy mô và nhân sự ổn định là cơ sở quan trọng để nhà trường triển khai hiệu quả các hoạt động xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích.

- Nhà trường xác định công tác xây dựng “Trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích” là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, gắn với mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và phát triển bền vững.

2. Thuận lợi

- Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Sở giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan chức năng.

- Kế hoạch triển khai được xây dựng khoa học, bám sát thực tiễn đơn vị, có tính khả thi cao.

- Cơ sở vật chất cơ bản đảm bảo, được kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng định kỳ.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên có tinh thần trách nhiệm, chủ động trong công tác phòng ngừa rủi ro.

- Sự phối hợp hiệu quả giữa nhà trường – gia đình – chính quyền địa phương.

3. Khó khăn

- Kỹ năng tự phòng vệ, xử lý tình huống của một bộ phận học sinh chưa đồng đều.

- Một số bộ phận như giáo vụ, công nghệ thông tin, tư vấn học đường còn do giáo viên kiêm nhiệm phụ trách.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC XÂY DỰNG TRƯỜNG HỌC AN TOÀN, PHÒNG, CHỐNG TAI NẠN THƯƠNG TÍCH NĂM HỌC 2025 – 2026

1. Công tác tổ chức thực hiện tại đơn vị

- Nhà trường đã ban hành và triển khai nghiêm túc kế hoạch số 84/ KH-THCSMP ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc xây dựng phương án phối hợp, thực hiện bảo đảm an ninh trật tự và ứng phó ngăn chặn tội phạm, tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường năm học 2025–2026.

- Nhà trường đã ban hành và triển khai nghiêm túc kế hoạch số: 85/KH-THCSMP ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc xây dựng kế hoạch phòng chống bạo lực học đường năm học 2025–2026.

- Nhà trường đã ban hành và triển khai nghiêm túc kế hoạch số: 86/KH-THCSMP ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc xây dựng kế hoạch trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích năm học 2025–2026.

- Công tác chỉ đạo được thực hiện xuyên suốt, có kiểm tra, giám sát và điều chỉnh kịp thời.

2. Công tác tuyên truyền, bồi dưỡng, giáo dục, tập huấn tại đơn vị

- Tổ chức quán triệt đầy đủ nội dung Thông tư 18/2023/TT-BGDĐT đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Lòng ghép giáo dục kỹ năng phòng, chống tai nạn thương tích trong chương trình chính khóa, sinh hoạt dưới cờ và hoạt động trải nghiệm.

- Tổ chức các chuyên đề thiết thực: phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông, phòng chống đuối nước, ứng phó thiên tai.

- Đa dạng hóa hình thức truyền thông: bảng tin, website, fanpage, hệ thống phát thanh măng non.

- Giáo dục kỹ năng ứng xử, phòng chống bạo lực học đường và an toàn mạng.

3. Chủ động khảo sát, khắc phục các nguy cơ gây tai nạn thương tích và xử lý khi tai nạn thương tích xảy ra

- Thực hiện rà soát toàn diện cơ sở vật chất, thiết bị, khuôn viên trường học.

- Chủ động phát hiện, xử lý kịp thời các yếu tố tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn.

- Trang bị đầy đủ hệ thống phòng cháy chữa cháy, biển cảnh báo, sơ đồ thoát hiểm.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ y tế, đảm bảo sơ cấp cứu.

- Tổ chức lại luồng di chuyển, khu vực cổng trường, bãi xe đảm bảo an toàn, trật tự.

4. Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, đánh giá

- Tổ chức tự đánh giá theo Bộ tiêu chí ban hành kèm Thông tư 18/2023.

- Thực hiện kiểm tra định kỳ, đột xuất, có biên bản và minh chứng đầy đủ.

- Công khai kết quả đánh giá, đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

- Trên cơ sở kết quả, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến liên tục.

III. TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ XÂY DỰNG “TRƯỜNG HỌC AN TOÀN, PHÒNG, CHỐNG TAI NẠN THƯƠNG TÍCH TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC” NĂM HỌC 2025 -2026

1. Đánh giá chung:

a) Ưu điểm

- Thực hiện đầy đủ các tiêu chí trường học an toàn.

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh có ý thức cao trong công tác phòng, chống tai nạn, thương tích trong trường học.
- Không xảy ra tai nạn thương tích nghiêm trọng trong nhà trường.
- Công tác quản lý an toàn được thực hiện theo hướng chủ động – phòng ngừa – hệ thống hóa.
- Xây dựng được môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, ổn định và bền vững.

b) Tồn tại

- Cần tăng cường hơn nữa kỹ năng phòng tránh rủi ro cho học sinh.

2. Tự đánh giá xếp loại

Đối chiếu với tiêu chuẩn Thông tư 18/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Bộ GDĐT. Căn cứ vào tiêu chí đánh giá nhà trường tự xếp loại:

- Tiêu chí Đạt: 48/50
- Tiêu chí chưa đạt: 02.

Lý do chưa đạt:

- + Tiêu chí 17: Nhà trường chưa được trang bị thiết bị chuyên dụng phù hợp với người học khuyết tật.
- + Tiêu chí 23: Có hơn 90% học sinh đã có chứng chỉ bơi từ cấp tiểu học nên nhà trường không tổ chức lớp học bơi cho học sinh trong năm học 2025 – 2026.
- Xếp loại chung: Đạt

Phụ lục tự đánh giá các tiêu chí của đơn vị Trường THCS Mỹ Phước đính kèm.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Không có.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (Phòng HSSV);
- Phòng VH-XH (để báo cáo);
- Hội đồng trường;
- GVCN, CMHS, HS;
- Đăng website;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Chi Lan

PHỤ LỤC 1

**TIÊU CHÍ TRƯỜNG HỌC AN TOÀN, PHÒNG, CHỐNG TAI NẠN
THƯƠNG TÍCH TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

(Kèm theo Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2023)

| TT | NỘI DUNG TIÊU CHÍ | ĐÁNH GIÁ (Đạt/Chưa đạt) | LÝ DO Chưa đạt |
|-----------|---|------------------------------------|---------------------------|
| A | Cơ sở vật chất, thiết bị, tài liệu, học liệu dạy học | | |
| I | Địa điểm, quy mô, khối phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật | | |
| <u>1</u> | Khuôn viên nhà trường được ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ; cổng trường, tường, rào bảo đảm kiên cố, có biển tên và đóng mở theo giờ quy định. | Đạt | |
| 2 | Địa điểm, diện tích, các khối phòng, khối phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đạt mức tiêu chuẩn tối thiểu về cơ sở vật chất theo quy định. Sân chơi bằng phẳng, không trơn trượt. Nhà tập luyện đa năng (nếu có), khu tập luyện thể thao ngoài trời không ảnh hưởng đến hoạt động của khu vực phòng học. Có lối đi riêng dành cho người học khuyết tật vận động (nếu trường có người học khuyết tật vận động). | Đạt | |
| II | Phòng học | | |

| | | | |
|------------|--|------------------------------------|---------------------------|
| 3 | Chắc chắn, thoáng mát, sạch sẽ, đủ ánh sáng. | Đạt | |
| 4 | Bàn, ghế của người học bảo đảm theo tiêu chuẩn quy định. Hệ thống cửa chắc chắn, có móc và được cố định khi cửa mở; cửa sổ có chấn song chắc chắn, an toàn. | Đạt | |
| 5 | Hệ thống điện, các thiết bị phục vụ công tác giảng dạy, học tập trong phòng học và các thiết bị khác (quạt điện, máy chiếu, tivi, amply, điều hòa...) được lắp đặt ở vị trí phù hợp, an toàn. | Đạt | |
| TT | NỘI DUNG TIÊU CHÍ | ĐÁNH GIÁ (Đạt/Chưa đạt) | LÝ DO Chưa đạt |
| III | <i>Hiên chơi, lan can, cầu thang</i> | | |
| 6 | Hiên chơi, lan can, cầu thang theo đúng tiêu chuẩn quy định; không để bàn ghế và đồ dùng ở khu vực hiên chơi, lan can. Thang máy, thang vận chuyển thực phẩm (nếu có) có cửa, khóa bảo đảm an toàn. | Đạt | |
| IV | <i>Nhà bếp, nhà ăn, căng tin (nếu có)</i> | | |
| 7 | Độc lập với khối phòng chức năng, phòng học và có thiết bị chữa cháy bảo đảm hoạt động tốt. | Đạt | |
| 8 | Bảo đảm theo quy trình bếp một chiều, lưu thông không khí. Đủ ánh sáng, thoáng và khô ráo (không bị ẩm thấp, ú đọng nước), có tủ lưu giữ mẫu thức ăn theo quy định. Có nội quy khu bếp, có bảng công khai tài chính và thực đơn hàng ngày được gắn ở vị trí dễ quan sát. | Đạt | |
| 9 | Trang thiết bị, đồ dùng phục vụ ăn uống làm bằng chất liệu an toàn, được vệ sinh sạch sẽ. Có thùng phân loại rác và có nắp đậy; quy trình xử lý chất thải đúng quy định. Hệ thống bếp đun, bình gas, dây điện, ổ điện được bảo đảm tiêu chuẩn an toàn. | Đạt | |
| V | <i>Nhà vệ sinh</i> | | |

| | | | |
|------------|---|--|---------------------------------|
| <u>10</u> | Nhà vệ sinh cho người học, cán bộ, giáo viên, nhân viên được thiết kế thông thoáng và bố trí riêng biệt cho nam và nữ; nền nhà vệ sinh khô ráo, sạch sẽ, chống trơn trượt, có hệ thống cấp thoát nước hoạt động liên tục. | Đạt | |
| 11 | Thiết bị vệ sinh phù hợp, dễ sử dụng. Có thiết bị vệ sinh dành cho người học khuyết tật (nếu trường có người học khuyết tật). | Đạt | |
| VI | <i>Nước sạch, cảnh quan, vệ sinh môi trường</i> | | |
| <u>12</u> | Hệ thống nước uống, nước nấu ăn bảo đảm chất lượng và được kiểm định chất lượng theo quy định. | Đạt | |
| TT | NỘI DUNG TIÊU CHÍ | ĐÁNH GIÁ (Đạt/Chưa đạt) | LÝ DO Chưa đạt |
| 13 | Hệ thống cây xanh phù hợp cảnh quan, tạo bóng mát; cây to, cây cổ thụ được gia cố, chặt, tỉa bảo đảm an toàn. Bồn hoa, bồn cây không có góc cạnh sắc nhọn; chậu hoa, cây cảnh đặt ở vị trí an toàn, chắc chắn; không trồng cây có nguy cơ gây độc, gai sắc. | Đạt | |
| <u>14</u> | Hệ thống ao, hồ, bể bơi trong nhà trường (nếu có) phải được rào chắn và có biển cảnh báo nguy hiểm. | Đạt | |
| VII | <i>Thiết bị, tài liệu, học liệu dạy học</i> | | |
| <u>15</u> | Thiết bị, tài liệu, học liệu dạy học phù hợp với đặc điểm tâm, sinh lý người học; không chứa nội dung kích động bạo lực, kì thị giới tính, tôn giáo, trái thuần phong mỹ tục. | Đạt | |
| <u>16</u> | Thiết bị thực hành, thí nghiệm và dụng cụ, thiết bị tập luyện thể dục, thể thao, trò chơi được bảo đảm an toàn, chắc chắn, loại bỏ nguy cơ gây tai nạn khi sử dụng. | Đạt | |

| | | | |
|-----------|---|------------------------------------|---------------------------|
| 17 | Có đồ dùng, trang thiết bị, học liệu chuyên dụng hoặc được điều chỉnh phù hợp với người học khuyết tật, người học có nhu cầu đặc biệt. | | |
| B | An ninh, trật tự trường học, phòng, chống bạo lực học đường, tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ người học trên môi trường mạng | | |
| <u>18</u> | Có kế hoạch, phương án phối hợp, thực hiện bảo đảm an ninh trật tự và ứng phó ngăn chặn tội phạm, tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường. | Đạt | |
| <u>19</u> | Công khai kế hoạch phòng, chống bạo lực học đường và các kênh tiếp nhận thông tin, tố giác về bạo lực học đường. Triển khai công tác truyền thông, giáo dục và cập nhật thông tin thường xuyên trên hệ thống phòng ngừa bạo lực học đường thuộc cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục. | Đạt | |
| <u>20</u> | Không để xảy ra vi phạm quy định của pháp luật về an ninh, trật tự, phòng, chống bạo lực học đường, tội phạm, tệ nạn xã hội trong nhà trường. | Đạt | |
| TT | NỘI DUNG TIÊU CHÍ | ĐÁNH GIÁ (Đạt/Chưa đạt) | LÝ DO Chưa đạt |
| 21 | Tổ chức hiệu quả công tác truyền thông, giáo dục kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn và ứng xử văn hóa trên môi trường mạng cho người học. | Đạt | |
| C | Phòng, chống đuối nước, tai nạn giao thông và các loại hình tai nạn thương tích khác | | |
| <u>22</u> | Có tài liệu và tổ chức truyền thông, giáo dục về phòng, chống đuối nước, kỹ năng an toàn trong môi trường nước phù hợp với thực tiễn tại địa phương và nhà trường. | Đạt | |

| | | | |
|-----------|---|-----------------------------------|--------------------------|
| 23 | Có tổ chức dạy bơi cho người học trong nhà trường hoặc phối hợp tổ chức dạy bơi, kỹ năng phòng, chống đuối nước ở ngoài nhà trường. Đảm bảo các điều kiện an toàn khi tổ chức hoạt động dạy bơi trong nhà trường theo quy định (nếu nhà trường có tổ chức dạy bơi). | | |
| 24 | Phối hợp với gia đình, địa phương kí cam kết không để xảy ra vụ việc người học rủ nhau đi tắm, bơi, vui chơi mất an toàn dẫn đến tai nạn đuối nước ở trong và ngoài nhà trường. | | |
| 25 | Có tài liệu và tổ chức truyền thông, giáo dục về an toàn giao thông, văn hóa giao thông. Tổ chức giao thông, điểm trông giữ xe trong nhà trường đảm bảo an toàn, không ảnh hưởng đến các hoạt động giáo dục, rèn luyện của học sinh. | Đạt | |
| 26 | Phối hợp với gia đình, địa phương kí cam kết không để xảy ra tình trạng người học vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông ở trong và ngoài nhà trường. | Đạt | |
| 27 | Có biện pháp và chủ động phối hợp với cơ quan chức năng tại địa phương trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông tại khu vực cổng trường, trên xe đưa đón học sinh. | Đạt | |
| 28 | Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ quan, trường học, ký túc xá. | Đạt | |
| 29 | Có tài liệu và tổ chức truyền thông, giáo dục về phòng cháy, chữa cháy phù hợp với thực tiễn tại địa phương và nhà trường. | Đạt | |
| TT | NỘI DUNG TIÊU CHÍ | ĐÁNH GIÁ (Đạt/Chưa đạt) | LÝ DO Chưa đạt |

| | | | |
|-----------|---|------------|--|
| 30 | Có tổ chức truyền thông, giáo dục cho người học và xây dựng phương án ứng phó, thực hành diễn tập đối với các tình huống cháy nổ, thiên tai, thời tiết khắc nghiệt và các loại hình thương tích thường xảy ra tại địa phương, nhà trường. | Đạt | |
| 31 | Không để xảy ra các vụ việc tai nạn thương tích (đuối nước, tai nạn giao thông, cháy nổ, điện giật, rơi, ngã, va đập, cây đổ, tường đổ...) gây hậu quả nghiêm trọng trong phạm vi nhà trường. | Đạt | |
| D | Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người học | | |
| I | Y tế trường học | | |
| 32 | Có phòng y tế bố trí ở vị trí thuận tiện cho công tác sơ/cấp cứu ban đầu theo quy định. | Đạt | |
| 33 | Có đủ danh mục thuốc, thiết bị y tế thiết yếu theo quy định; có dụng cụ sơ cấp cứu và vật phẩm, trang thiết bị phòng chống dịch bệnh. | Đạt | |
| 34 | Có kiểm tra sức khỏe, hệ thống sổ sách ghi chép, theo dõi tình trạng sức khỏe, bệnh, tật học đường đối với người học và cập nhật thông tin hiện trạng sức khỏe của học sinh trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục. | Đạt | |
| 35 | Có nhân viên y tế chuyên trách hoặc người kiêm nhiệm, được tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. | Đạt | |
| 36 | Có kế hoạch phối hợp với y tế cơ sở trong công tác y tế trường học và tài liệu, tổ chức truyền thông, giáo dục về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người học. Không để dịch, bệnh lây lan trên diện rộng trong phạm vi nhà trường. | Đạt | |
| II | An toàn thực phẩm, phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu, bia | | |

| | | | |
|-----------|---|------------------------------------|---------------------------|
| 37 | Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quy định về an toàn thực phẩm, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm khi tổ chức bữa ăn, dịch vụ căng tin trong nhà trường hoặc trong các hoạt động giáo dục ngoài nhà trường do nhà trường tổ chức. | Đạt | |
| TT | NỘI DUNG TIÊU CHÍ | ĐÁNH GIÁ (Đạt/Chưa đạt) | LÝ DO Chưa đạt |
| 38 | Có tài liệu và tổ chức truyền thông, giáo dục phòng chống tác hại của thuốc lá, các sản phẩm thuốc lá mới, rượu, bia và các chất gây nghiện khác. | Đạt | |
| 39 | Không bán và quảng cáo, tiếp thị thuốc lá, rượu, bia, thực phẩm có hại cho sức khỏe, đồ chơi mang tính bạo lực, không rõ nguồn gốc trong khuôn viên nhà trường. | Đạt | |
| Đ | Thực hiện quy tắc ứng xử, quy chế dân chủ trong nhà trường; giáo dục sức khỏe tâm thần và tư vấn tâm lý, công tác xã hội cho người học | | |
| 40 | Ban hành và tổ chức thực hiện tốt Quy tắc ứng xử, Quy chế dân chủ trong trường học (có quy chế phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường; tổ chức triển khai nghiêm túc, hiệu quả, có kiểm tra, đánh giá tổng kết hàng năm). | Đạt | |
| 41 | Thiết lập kênh thông tin nắm bắt, theo dõi tình trạng sức khỏe tâm thần, tâm lý của người học. Có kế hoạch và tổ chức truyền thông về giáo dục sức khỏe tâm thần cho người học. | Đạt | |
| 42 | Có không gian riêng để tư vấn tâm lý cho người học; có sổ theo dõi công tác tư vấn tâm lý, được ghi chép đầy đủ và bảo mật theo quy định. | Đạt | |
| 43 | Thành lập tổ tư vấn tâm lý học đường; cán bộ, giáo viên làm công tác tư vấn tâm lý, công tác xã hội được định kỳ tập huấn nâng cao năng lực, cập nhật kiến thức mới về sức khỏe tâm thần, tâm lý của người học. | Đạt | |

| | | | |
|-----------|---|------------------------------------|---------------------------|
| E | Công tác quản lý | | |
| 44 | Có kế hoạch hoạt động theo từng năm và giai đoạn về xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích; tổ chức đánh giá và báo cáo theo quy định. | Đạt | |
| 45 | Công khai số điện thoại, hộp thư góp ý, các hình thức tiếp nhận thông tin về bạo hành, bạo lực, xâm hại, mất an toàn cho người học tại các vị trí dễ quan sát, tiếp cận. | Đạt | |
| TT | NỘI DUNG TIÊU CHÍ | ĐÁNH GIÁ (Đạt/Chưa đạt) | LÝ DO Chưa đạt |
| 46 | Có kết nối, chia sẻ thông tin giữa nhà trường với gia đình người học về việc bảo đảm an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích cho người học. | Đạt | |
| 47 | Có tổ chức các tổ/đội/nhóm/câu lạc bộ để người học chủ động, chủ trì thực hiện một số hoạt động, chuyên đề rèn luyện kỹ năng phòng, chống tai nạn thương tích và hỗ trợ nhau trên đường đi học, tại cộng đồng, gia đình. | Đạt | |
| 48 | Có bảng công khai kết quả kiểm tra, đánh giá trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích, được niêm yết tại bảng thông tin chung của nhà trường và trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có). | Đạt | |
| 49 | Có phối hợp tổ chức kiểm tra, cảnh báo, ngăn chặn, loại bỏ các nguy cơ gây đuối nước, tai nạn giao thông, bạo lực và một số tai nạn thương tích khác đối với người học tại cộng đồng và phối hợp quản lý người học trong dịp nghỉ hè. | Đạt | |
| 50 | Tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ các hoạt động xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích đối với người học (có kế hoạch, biên bản, kết quả kiểm tra). | Đạt | |

Đánh giá:

1. Mỗi tiêu chí được đánh giá “Đạt” hoặc “Chưa đạt”.

2. Tiêu chí bắt buộc (25 tiêu chí được đánh dấu gạch chân): 1, 3, 5, 6, 8, 10, 12, 14, 15, 16, 18, 19, 20, 22, 25, 29, 31, 32, 34, 35, 37, 39, 44, 45, 48.

3. Tổng số tiêu chí được đánh giá đối với nhà trường:

- Số tiêu chí đánh giá “Đạt”: / tiêu chí được đánh giá đối với nhà trường. Tỷ lệ %

- Số tiêu chí bắt buộc “Chưa đạt” được đánh giá đối với nhà trường: tiêu chí.

- Kết luận: